

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 343/2026/DS-PT
Ngày 06 – 5 – 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2026/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2026/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Dương Văn T, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số: 096067014612 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 09/8/2021.

2. Bà Châu Thị H, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số: 096167002479 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2021.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Nay là: Ấp N, xã C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Dương Văn T: Ông Tăng Tấn L, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Số A, đường Q, khóm E, phường T, tỉnh Cà Mau (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Dương Thị C, sinh năm 1975 (Có mặt);

Căn cước công dân số: 096175000850 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021.

2. Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1964 (Có mặt);

Căn cước số: 096064007609 do Bộ C1 cấp ngày 05/12/2024.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C Mỹ B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau. Nay là: Ấp C Mỹ B, xã N, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

1. Bà Trần Thị L1 (Vắng mặt);

2. Ông Tạ Văn Đ (Vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Thu N (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C Mỹ B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau. Nay là: Ấp C Mỹ B, xã N, tỉnh Cà Mau.

3. Chị Dương Thị D (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Nay là: Ấp N, xã C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Dương Thị C và ông Nguyễn Minh T1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của ông Dương Văn T và bà Châu Thị H trình bày:*

Khoảng năm 2020, vợ chồng bà Dương Thị C và ông Nguyễn Minh T1 mở hội và làm chủ hội, ông T có tham gia nhiều dây hội. Do bà C là em ruột ông T nên tin tưởng và không đi khai hội, chỉ điện thoại nhờ bỏ hội dùm và thấy lợi nhuận cao nên mua nhiều chung hội, tổng cộng ông bà tham gia và mua 11 dây gồm 54 chung (trong đó mua 19 chung và tham gia 35 chung) cụ thể:

1. Hội 3.000.000 đồng, gồm 42 chung, mở ngày 30/02/2021 âl, 01 tháng khai 01 lần, ông T tham gia 06 chung, hót 05 chung, còn 01 chung hội sống đã đóng 37 kỳ bằng 63.100.000 đồng.

Ông T mua 03 chung vào ngày 30/02/2021 âl, số tiền 84.000.000 đồng; ngày 30/3/2021 âl, số tiền 84.180.000 đồng; ngày 30/10/2021 âl, số tiền 83.500.000 đồng. Tổng cộng 251.680.000 đồng

2. Hội 3.000.000 đồng, gồm 40 chung, mở ngày 15/4/2023 âl, 01 tháng khai 02 lần, ông T tham gia 02 chung, còn 02 chung hội sống đã đóng 21 kỳ bằng 81.920.000 đồng.

Ông T mua 03 chung vào ngày 30/4/2023 âl, số tiền 84.900.000 đồng x 2 = 169.800.000 đồng; ngày 15/5/2023 âl, số tiền 83.140.000 đồng. Tổng cộng 252.940.000 đồng

3. Hội 2.000.000 đồng, gồm 48 chung, mở ngày 15/10/2020 âl, 01 tháng khai 01 lần, ông T tham gia 04 chung, hót 01 chân kỳ thứ 38, còn 03 chung hội sống đóng 42 kỳ bằng 160.020.000 đồng.

Ông T mua 01 chung vào ngày 15/10/2020 âl, số tiền 67.200.000 đồng

4. Hụi 3.000.000 đồng, gồm 52 chung, mở ngày 30/01/2022 âl, 01 tháng khai 01 lần, ông T tham gia 04 chung, còn 04 chung hụi sống đóng 26 kỳ bằng 182.440.000 đồng.

Ông T mua 02 chung vào ngày 30/5/2022 âl, số tiền 103.200.000 đồng; ngày 30/6/2022 âl, số tiền 104.300.000 đồng. Tổng cộng 207.500.000 đồng

5. Hụi 3.000.000 đồng, gồm 50 chung, mở ngày 30/11/2022 âl, 01 tháng khai 01 lần, ông T tham gia 05 chung hụi sống đóng 16 kỳ bằng 142.350.000 đồng.

Ông T mua 04 chung vào ngày 30/11/2022 âl, số tiền 95.000.000 đồng x 3 = 285.000.000 đồng; ngày 30/3/2023 âl, số tiền 90.200.000 đồng. Tổng cộng 375.200.000 đồng

6. Hụi 2.000.000 đồng, gồm 43 chung, mở ngày 30/7/2022 âl, 01 tháng khai 01 lần, ông T tham gia 03 chung, hốt 01 chung kỳ thứ 19, còn 02 chung hụi sống đóng 20 kỳ bằng 52.900.000 đồng.

Ông T mua 01 chung vào ngày 30/9/2022 âl, số tiền 55.690.000 đồng

7. Hụi 2.000.000 đồng, gồm 45 chung, mở ngày 15/6/2022 âl, 01 tháng khai 01 lần, ông T tham gia 02 chung hụi sống đóng 22 kỳ bằng 59.000.000 đồng.

8. Hụi 3.000.000 đồng, gồm 40 chung, mở ngày 15/3/2023 âl, 01 tháng khai 01 lần, ông T tham gia 05 chung hụi sống đóng 12 kỳ bằng 110.000.000 đồng.

Ông T mua 02 chung vào ngày 15/3/2023 âl, số tiền 74.900.000 đồng x 2 = 149.800.000 đồng

9. Hụi 3.000.000 đồng, gồm 46 chung, mở ngày 15/7/2023 âl, 01 tháng khai 01 lần, ông T tham gia 02 chung hụi sống đóng 08 kỳ bằng 29.000.000 đồng.

10. Hụi 5.000.000 đồng, gồm 40 chung, mở ngày 30/01/2023 âl, 01 tháng khai 01 lần, ông T tham gia 01 chung hụi sống đóng 14 kỳ bằng 45.850.000 đồng.

Ông T mua 01 chung vào ngày 30/02/2023 âl, số tiền 141.500.000 đồng.

11. Hụi 2.000.000 đồng, gồm 45 chung, mở ngày 15/9/2022 âl, 01 tháng khai 02 lần, ông T tham gia 01 chung, hốt kỳ thứ 32.

Ông T mua 02 chung vào ngày 15/9/2022 âl, số tiền 62.550.000 đồng x 2 = 125.100.000 đồng

Tổng 11 dây hụi trên, số tiền mua hụi bằng 1.624.810.000 đồng; tiền vốn thực đóng 926.762.000 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng bà C có mượn của vợ chồng ông T số tiền 1.150.000.000 đồng.

Đến đầu năm 2024, ông T hốt 04 chung hụi (trong đó mua 03 chung và 01 chung sống) của dây hụi 42 chung, chết 37 chung, còn lại 05 chung nhưng bà C không cho hốt. Đến ngày 22/02/2024 âl, bà C cho rằng đã tự ý hốt 09 chung hụi của ông T để trả nợ cá nhân nhưng ông T không đồng ý. Từ đó phát sinh tranh chấp, nên

thân tộc có tổ chức cuộc họp ngày 30/3/2024 nội dung bà C, ông T1 có nợ ông T 1.150.000.000 đồng tiền mượn và 1.624.810.000 đồng tiền hụi mua và thỏa thuận thanh toán trong thời hạn 03 năm, mỗi năm thanh toán 1.000.000.000 đồng nhưng đến nay không thực hiện.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà C và ông T1 trả 1.150.000.000 đồng tiền mượn, 1.624.810.000 đồng tiền hụi mua và tiền vốn nguyên đơn thực đóng 926.762.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T đơn xin rút lại yêu cầu trả số tiền 926.762.000 đồng.

- Theo bà Dương Thị C trình bày:

Bà có mở hụi và làm chủ hụi nhiều năm, ông T có tham gia nhiều dây hụi thời gian đã hơn 20 năm, đã mãn nhiều dây. Đến năm 2024, bà khởi kiện vợ chồng ông Đỗ Thanh N1, bà Huỳnh Thị Thúy N2 đòi tiền vay, tiền hụi tổng 5.262.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 80/2024/QDST-DS ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn. Khi ông T nghe tin bà kiện vợ chồng ông N1 thì ông T xuống bỏ hết 10 chung hụi số tiền khoảng trên 1 tỷ đồng, bà đã giao đủ cho ông T. Sau đó, ông T bỏ hết các chung mới tham gia nhưng kết nợ hụi mua là 1.650.000.000 đồng và tiền mượn 1.150.000.000 đồng.

Tuy nhiên, số tiền mượn 1.150.000.000 đồng ông T đưa cho bà để cho người khác vay, lãi suất ông T quy định 19.000.000 đồng/tháng/500.000.000 đồng. Sau đó, bà cho ông Đỗ Thanh N1 vay 650.000.000 đồng vào tháng 10/2018, đã đóng lãi 05 tháng bằng 95.000.000 đồng. Số tiền lãi còn lại ông N1 không trả nên bà đã trả lãi thay cho ông N1 tổng 59 tháng bằng 1.026.000.000 đồng, số tiền này ông T lấy đóng hụi chết và sống cho các dây hụi ông T đang tham gia. Bà đưa cho bà Trần Thị L1 và chồng Tạ Văn Đ vay 500.000.000 đồng vào tháng 3/2021, vợ chồng bà L1 trả lãi 02 tháng bằng 38.000.000 đồng; tiền lãi còn lại bà L1 không đóng, nên bà trả lãi thay cho bà L1 tổng 33 tháng bằng 627.000.000.000 đồng, số tiền này lấy đóng hụi chết và sống cho các dây hụi ông T đang tham gia. Tổng tiền lãi đã trả cho ông T bằng 1.786.000.000 đồng. Phần lãi này bà trả lãi thay từ năm 2019, ông T tham gia rất nhiều chung, các chung đã mãn và đã kết thúc hợp đồng từ khi lập biên bản họp gia đình ngày 30/3/2024. Từ đó, danh sách hụi đã thay tên ông T, không còn giữ giấy hụi cũ nên bà không thể kê khai cụ thể đã đóng hụi dùm cho ông T là bao nhiêu chung, dây hụi nào và bằng bao nhiêu tiền của từng dây, từng chung.

Nay bà đồng ý trả phần hụi mua tổng 1.650.000.000 đồng. Đối với số nợ 1.150.000.000 đồng yêu cầu xem xét số lãi suất đã trả và xin trả 500.000.000 đồng.

Đối với số tiền 27 chung hụi sống tổng 926.762.000 đồng do ông T kiện, bà xác định không có nợ ông T số tiền này. Lý do khi lập biên bản họp gia đình là hai bên đã chốt nợ từ ngày 30/3/2024, lúc này có một số chung hụi sống ông T mới tham gia góp khoảng 20 chung bao gồm nhiều dây hụi, ông T đóng hụi từ 6 kỳ trở lại nhưng sau khi chốt nợ bà đã hủy bỏ hết các giấy hụi, sổ hụi này nên không nhớ, không còn chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Ngoài ra, bà có chuyên khoản trả cho ông T cụ thể: Bà Dương Thị C chuyên khoản cho chị Dương Thị D (con ông T) số tiền 27.000.000 đồng; con bà là chị

Nguyễn Thu N chuyển khoản cho Dương Thị Diễm H1 lần số tiền 160.000.000 đồng và 100.000.000 đồng. Như vậy, tổng trả 287.000.000 đồng yêu cầu đối trừ vào tiền vay.

Bà có tràng hụi chết cho ông Tòa tổng 194.000.000 đồng nhưng do hụi mãi thời gian đã lâu nên không còn giấy hụi để cung cấp cho Tòa án. Các dây hụi cụ thể:

Dây hụi 3.000.000 đồng, gồm 42 chung, mở ngày 30/02/2021 âl, 01 tháng khui 01 lần, ông T tham gia 06 chung, hốt 06 chung. Bà tràng hụi 6 chung x 3.000.000 đồng x 6 kỳ = 108.000.000 đồng cho đến mãi.

Dây hụi 2.000.000 đồng, gồm 48 chung, mở ngày 15/10/2020 âl, 01 tháng khui 01 lần, ông T tham gia mấy chung không nhớ. Bà tràng hụi 01 chung x 2.000.000 đồng x 7 kỳ = 14.000.000 đồng đến mãi.

Dây hụi 5.000.000 đồng mở 15/01/2021âl gồm 40 chung, ông T tham gia 01 chung, đã hốt; bà tràng 1 chung x 5.000.000 đồng x 2 kỳ = 10.000.000 đồng đến mãi.

Dây hụi 2.000.000 đồng, gồm 43 chung, mở ngày 30/7/2022 âl, 01 tháng khui 01 lần, ông T tham gia mấy chung không nhớ. Bà tràng hụi 01 chung x 2.000.000 đồng x 23 kỳ = 46.000.000 đồng đến mãi.

Dây hụi 2.000.000 đồng, gồm 45 chung, mở ngày 15/9/2022 âl, 01 tháng khui 02 lần, ông T tham gia mấy chung không nhớ. Bà tràng hụi 01 chung x 2.000.000 đồng x 8 kỳ = 16.000.000 đồng đến mãi.

Ông T còn nợ bà 10.000.000 đồng tiền hụi do ông T tham gia dùm người khác, nhưng không biết rõ hụi gì và tham gia dùm cho ai.

- Theo ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày trên của bà Dương Thị C là đúng. Ngoài ra ông xác định theo biên bản họp gia đình thỏa thuận cho vợ chồng ông trả 03 năm nhưng chưa đến 03 năm đi kiện là không đúng, ông đồng ý tính đến thời điểm đi kiện. Số tiền 1.150.00.000 đồng ông không biết, đến khi họp gia đình ông mới biết số nợ này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2026/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T và bà Châu Thị H khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị C, ông Nguyễn Minh T1 giao trả 1.150.000.000 đồng tiền mượn, 1.624.810.000 đồng tiền mua hụi, tổng phải trả 2.774.810.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T và bà Châu Thị H yêu cầu bà Dương Thị C, ông Nguyễn Minh T1 giao trả 926.762.000 đồng tiền nợ hụi.

- Buộc bà Dương Thị C, ông Nguyễn Minh T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Dương Văn T và bà Châu Thị H tổng số tiền 2.774.810.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/02/2026, bà Dương Thị C và ông Nguyễn Minh T1 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm: Số tiền 1.150.000.000 đồng xin được giảm, chỉ trả cho ông T và bà H 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Thị C và ông Nguyễn Minh T1 giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông T1 và bà C giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, không có ý kiến tranh luận thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị C và ông Nguyễn Minh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Dương Thị C và ông Nguyễn Minh T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Dương Văn T và bà Châu Thị H khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị C và ông Nguyễn Minh T1 trả số tiền hụi 1.624.810.000 đồng và số tiền mượn 1.150.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông T và bà H cung cấp chứng cứ là Biên bản họp gia đình ngày 30/3/2024. Tại Biên bản họp gia đình ngày 30/3/2024 có nội dung thể hiện:

“Ông Dương Văn T và Châu Thị H đã cho Nguyễn Minh T2 và Dương Thị C mượn số tiền 1.150.000.000 đồng, tiền hụi mua là 1.650.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền đã thiếu là 2.800.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Minh T2 và bà Dương Thị C cam kết sẽ trả số tiền trên cho Dương Văn T và Châu Thị H trong thời gian 03 năm (mỗi năm trả 1 tỷ cho đến khi trả hết). Thời gian tính bắt đầu từ ngày ghi biên bản này...).

Biên bản có ông T, bà H, bà C, ông T1 và những người cùng tham dự ký tên.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bà C và ông T1 thừa nhận nội dung Biên bản họp gia đình ngày 30/3/2024 do ông T và bà H cung cấp là đúng, thừa nhận có ký tên trong biên bản. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với khoản nợ tiền hụi 1.624.810.000 đồng, bà C và ông T1 thừa nhận nợ và đồng ý trả cho ông T và bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà C và ông T1 trả cho ông T và bà H số tiền hụi còn nợ 1.624.810.000 đồng là có căn cứ. Bà C và ông T1 cũng không có kháng cáo đối với số tiền này nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[4] Đối với số tiền mượn 1.150.000.000 đồng, bà C và ông T1 thừa nhận có nhận tiền của ông T và bà H, nhưng cho rằng số tiền này ông T và bà H đưa cho ông

bà để cho người khác vay, đã trả lãi cho ông T và bà H tổng số tiền là 1.786.000.000 đồng, ông bà đóng hụi thay cho ông T và bà H. Quá trình giải quyết vụ án, phía ông T và bà H không thừa nhận sự việc như bà C và ông T1 trình bày, bà C và ông T1 không có chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Do bà C và ông T1 đã nhận của ông T và bà H số tiền 1.150.000.000 đồng, nên Toà án cấp sơ thẩm buộc bà C và ông T1 trả cho ông T và bà H số tiền 1.150.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với kháng cáo của bà C và ông T1 xin trả số tiền bằng 500.000.000 đồng, do phía ông T và bà H không đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Xét trình bày của bà C và ông T1 là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Theo biên bản họp gia đình ngày 30/3/2024 có thoả thuận mỗi năm bà C và ông T1 trả cho ông T và bà H là 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bà C và ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận, nên ông T và bà H khởi kiện yêu cầu bà C và ông T1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ theo biên bản họp gia đình ngày 30/3/2024 là có căn cứ.

[6] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà Dương Thị C và ông Nguyễn Minh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà C phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được đối trừ chuyển thu án phí. Ông T1 là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí (đã được miễn dự nộp).

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo bà Dương Thị C và ông Nguyễn Minh T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2026/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T và bà Châu Thị H.

Buộc bà Dương Thị C và ông Nguyễn Minh T1 trả cho ông Dương Văn T và bà Châu Thị Hồng K nợ tiền mượn là 1.150.000.000 đồng và tiền hụi là 1.624.810.000 đồng, tổng cộng là 2.774.810.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T và bà Châu Thị H yêu cầu bà Dương Thị C và ông Nguyễn Minh T1 trả số tiền 926.762.000 đồng.

Kể từ ngày ông T và bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà C và ông T1 còn phải chịu thêm khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị C phải chịu 43.748.100 đồng. Ông Nguyễn Minh T1 được miễn chịu án phí. Ông Dương Văn T và bà Châu Thị H không phải chịu án phí. Ông T và bà H đã dự nộp 53.015.720 đồng theo biên lai thu số 0014450 ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 – Cà Mau) được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh T1 được miễn chịu án phí. Bà Dương Thị C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09/02/2026, bà C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001573 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đổi trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 5- Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 5- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập